

Số: 559 /QĐ-MTTQ-BVĐCT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí từ nguồn cứu trợ thành phố
cho các địa phương để hỗ trợ khắc phục thiệt hại về nông, lâm nghiệp,
y tế, giáo dục, văn hóa và các công trình hạ tầng thiết yếu sau thiên tai**

BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 (sửa đổi năm 2025);

Căn cứ Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Hướng dẫn số 95/HD-MTTW-BTT ngày 04/01/2023 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam thực hiện một số nội dung Nghị định số 93/2021/NĐ-CP, ngày 27/10/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Quy chế phối hợp số 38/QC-PH-UBND-UBMT-HCTĐ ngày 06/10/2025 giữa Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố với Hội Chữ thập đỏ thành phố thực hiện công tác vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-MTTQ-BTT ngày 01/8/2025 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban vận động cứu trợ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-MTTQ-BVĐ ngày 01/8/2025 của Ban Vận động cứu trợ thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý, phân phối và sử dụng nguồn vận động cứu trợ của Ban vận động cứu trợ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 4339/UBND-SNNMT ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc hỗ trợ phân bổ kinh phí cho các đơn vị, địa phương khắc phục thiệt hại về nông, lâm nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa và các công trình hạ tầng thiết yếu bởi ảnh hưởng của thiên tai năm 2025;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên Ban Vận động cứu trợ thành phố;
Theo đề nghị của Tổ giúp việc Ban Vận động cứu trợ thành phố,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân bổ số tiền **76.580.000.000 đồng** (Bảy mươi sáu tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) từ nguồn cứu trợ thành phố cho 62 địa phương, đơn vị (theo Phụ lục đính kèm) để khắc phục thiệt hại về nông, lâm nghiệp, y tế, giáo dục, văn hóa

và các công trình hạ tầng thiết yếu sau thiên tai (*Hỗ trợ thiệt hại về nông, lâm nghiệp; mua sắm, sửa chữa máy móc, trang thiết bị dạy học, sửa chữa nhỏ các công trình trường học bị hư hại (đối với trường mẫu giáo, tiểu học, THCS công lập, tư thục); mua sắm trang thiết bị, sửa chữa nhỏ trạm y tế xã, phường; mua sắm trang thiết bị, sửa chữa nhỏ nhà văn hoá thôn, tổ dân phố, nhà sinh hoạt cộng đồng, thiết chế văn hoá - thể thao tại khu dân cư; sửa chữa nhỏ mương thoát nước, cống thoát nước, khắc phục hư hỏng nhỏ các tuyến đường dân sinh trong khu dân cư; mua sắm, sửa chữa hệ thống đường ống dẫn nước sinh hoạt tự chảy; sửa chữa nhỏ kênh mương thủy lợi (đối với Công ty TNHH một thành viên khai thác thủy lợi Đà Nẵng và Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam).*

Điều 2. Giao Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ban Vận động cứu trợ các địa phương được phân bổ kinh phí chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, phối hợp với UBND cùng cấp sử dụng nguồn kinh phí nêu trên đúng mục đích, đúng nội dung, bảo đảm theo quy định, kịp thời, công khai, minh bạch; đồng thời hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh, quyết toán theo quy định hiện hành và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Vận động cứu trợ thành phố trước ngày 30/06/2026.

Điều 3. UBND thành phố, Ban Vận động, Tổ giúp việc, kế toán Ban Vận động cứu trợ thành phố, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ban Vận động cứu trợ các xã, phường tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Thành uỷ, HĐND thành phố;
- BTT UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Thành viên BVĐ Cứu trợ thành phố;
- Lưu: VT, Ban TG-CTXH.

TM. BAN VẬN ĐỘNG CỨU TRỢ
TRƯỞNG BAN



Lê Trí Thanh
Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam
thành phố Đà Nẵng

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHỖ CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ
SỬA CHỮA KHẮC PHỤC KỊP THỜI CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG
THIẾT YẾU SAU THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Kèm theo Quyết định số 559 /QĐ-MTTQ-BVĐCT ngày 29 /11/2025
của Ban Vận động cứu trợ thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên xã/phường	Kinh phí hỗ trợ	Số tài khoản BVĐ cứu trợ/MTTQ Việt Nam cấp xã	Kho bạc/Ngân hàng
	TỔNG CỘNG	76.580		
1	Phường Ngũ Hành Sơn	1.400	3761.0.1145757.91099	KBNN
2	Phường Hòa Khánh	280	3761.0.1145760.91099	KBNN
3	Phường Hải Vân	1.400	3761.0.1145758.91099	KBNN
4	Phường Cẩm Lệ	700	3761.0.1145762.91999	KBNN
5	Xã Hòa Vang	700	3761.0.1146429.91099	KBNN
6	Xã Hòa Tiến	1.400	3761.0.1146428.91099	KBNN
7	Phường Quảng Phú	1.400	3761.0.1145753.91999	KBNN
8	Phường Hương Trà	1.400	8600080073	Ngân hàng BIDV
9	Phường Bàn Thạch	1.400	3761.0.9127974.91999	KBNN
10	Phường Điện Bàn	2.100	3751.0.1146324.00000	KBNN
11	Phường Điện Bàn Đông	1.400	3751.0.1146323.00000	KBNN
12	Phường An Thắng	2.100	3751.0.1146321.00000	
13	Phường Điện Bàn Bắc	1.400	3751.0.1146431.00000	KBNN
14	Xã Điện Bàn Tây	2.100	4202201006480	Agribank- Chi nhánh Điện Bàn
15	Xã Gò Nổi	700	3751.0.1146756.00000	KBNN
16	Phường Hội An	700		
17	Xã Tam Mỹ	700	3751.0.9127998.00000	KBNN
18	Xã Tam Anh	1.400	3751.0.9127877.00000	KBNN
19	Xã Tam Xuân	1.400	3751.0.9128657.00000	KBNN
20	Xã Tây Hồ	700	3761.0.9129793.91999	KBNN
21	Xã Chiên Đàn	1.400	3761.0.9129221.91999	KBNN
22	Xã Phú Ninh	1.400	3761.0.1148231.91999	KBNN
23	Xã Lãnh Ngọc	700	4211201006032	Agribank- Chi nhánh Tiên Phước
24	Xã Tiên Phước	350	3761.0.9128344.91999	KBNN
25	Xã Thanh Bình	700	4211201006105	Agribank- Chi nhánh Tiên Phước
26	Xã Sơn Cẩm Hà	1.400	3761.0.9129719.91999	KBNN
27	Xã Trà Liên	700	4210201005747	Agribank- Chi nhánh Bắc Trà My
28	Xã Trà Giáp	700	4210201005724	Agribank- Chi nhánh Bắc Trà My
29	Xã Trà Tân	700	3751.0.9130098.00000	KBNN
30	Xã Trà Đốc	1.400	3751.0.9129078.00000	KBNN

31	Xã Nam Trà My	1.400	4216201003788	Agribank chi nhánh Nam Trà My
32	Xã Trà Linh	1.400	4216201003759	Agribank chi nhánh Nam Trà My
33	Xã Trà Leng	1.400	3761.0.9130205	KBNN
34	Xã Thăng Bình	1.400	3761.0.1148230.91049	KBNN
35	Xã Thăng An	1.400	3761.0.1148229.91049	KBNN
36	Xã Thăng Trường	2.100		
37	Xã Thăng Điện	1.400	3761.0.1148227.91049	KBNN
38	Xã Thăng Phú	1.400		
39	Xã Đồng Dương	700	3761.0.1148226.91049	KBNN
40	Xã Quế Sơn	2.100	4206201004368	Arribank chi nhánh Quế Sơn
41	Xã Xuân Phú	1.400	3761.0.1147663.91099	KBNN
42	Xã Thu Bồn	700	3751.0.9127827.00000	KBNN
43	Xã Đại Lộc	700	4205201013662	Agribank Chi nhánh Đại Lộc
44	Xã Hà Nha	700	4205201014172	Agribank Chi nhánh Đại Lộc
45	Xã Thượng Đức	700	4205201014189	Agribank Chi nhánh Đại Lộc
46	Xã Vu Gia	700	4205201014093	Agribank Chi nhánh Đại Lộc
47	Xã Bến Giằng	1.400	3751.0.9130477.00000	KBNN
48	Xã Nam Giang	700		
49	Xã Đắc Pring	1.400		
50	Xã La Dêê	1.400		
51	Xã La Êê	1.400		
52	Xã Sông Vàng	1.400	3751.0.9129095.00000	KBNN
53	Xã Đông Giang	1.400	3751.0.9129441.00000	KBNN
54	Xã Bến Hiên	1.400		
55	Xã Avuong	1.400		
56	Xã Tây Giang	700	0010294495	NHCSXH Tây Giang
57	Xã Hùng Sơn	1.400		
58	Xã Hiệp Đức	1.400	4214201005846	Agribank chi nhánh Hiệp Đức
59	Xã Trà Tập	1.400	4216201003771	Agribank chi nhánh Nam Trà My
60	Xã Trà Vân	1.400	4216201003809	Agribank chi nhánh Nam Trà My
61	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng	350		
62	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam	4.200		

